Tên: .....

Lớp: .....

Sđt: .....

Tiểu tiểu học
Cô Nguyệt
0969687495

Bài tập cuối tuần

Môn Tiếng Việt - Lớp 1 - HK2

Sách Kết nối tri thức



Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 19

Em đọc bài và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Sư tử và chuột nhắt

Một con sư tử ngủ say trong rừng. Chuột nhắt chạy qua, không may đụng phải làm sư tử tỉnh giấc. Sư tử giận dữ, giơ chân chộp lấy chuột nhắt. Chuột van lạy:

– Xin ông tha cho tôi. Tôi bé nhỏ thế này, ông ăn chẳng bõ dính răng.

Sư tử ngẫm nghĩ một lát rồi thả chuột ra. Được tha, chuột nói:

– Cảm ơn ông! Có ngày tôi sẽ trả ơn ông.

Nghe vậy, sư tử bật cười:

– Chuột mà cũng đòi giúp được sư tử sao?

Ít lâu sau, sư tử bị sa lưới. Nó vùng vẫy hết sức, nhưng không sao thoát được, đành nằm chờ chết. May sao, chuột đi qua trông thấy. Nó chạy về gọi cả nhà ra cắn đứt hết lưới. Nhờ thế, sư tử thoát nạn.

(Truyện ngụ ngôn)

Câu 1: Trong bài có nhắc tới các con vật nào?

A. sư tử B. chuột nhắt C. sư tử và chuột nhắt

Câu 2: Khi đụng phải sư tử đang ngủ say, chuột nhắt đã làm gì?

A. Chuột nhắt đùa giỡn trước mặt sư tử để gọi sư tử thức dậy.

B. Chuột van lạy xin sư tử tha cho.

C. Chuột kéo cả bầy đến phá giấc ngủ của sư tử.

Câu 3: Khi nghe nhuột chắt nói sẽ có ngày trả ơn, sư tử có thái độ gì?

A. Sư tử tức giận đuổi chuột nhắt. B. Sư tử cảm ơn chuột nhắt.

C. Sư tử bật cười.

Câu 4: Ít lâu sau, sư tử gặp chuyện gì?

A. Sư tử bị té xuống ao. B. Sư tử bị đau bụng. C. Sư tử bị sa lưới.

Câu 5: Chuột nhắt đã làm gì để giúp sư tử?

A. Chuột nhắt mặc kệ sư tử.

B. Vội chạy về gọi cả nhà chuột ra cắn đứt hết lưới.

C. Chuột gọi các bạn thú trong rừng ra giúp sư tử.

Câu 6: Viết 1 câu giới thiệu về bản thân em.

Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 19

BÀI TẬP:

Bài 1: Điền vần uây / uyt / oang vào chỗ chấm.







xe b..... h..... thượng kh..... nước quên kh..... áo ch.....

Bài 2: Chọn s / x điền vào chỗ chấm.

.....o sánh	..... oay xở	.....uề .....òa	.....an .....át
học .....inh	.....inh đẹp	.....ách vở	...áng ...ớm

Chọn tr / ch điền vào chỗ chấm.

.....anh ảnh	vui .....ơi	cái .....ống	.....e mát
.....ồng sách	viết .....ữ	.....ường học	.....a mẹ

Bài 3: Nối.

Hai bạn Hải và Nam	trên vai.
Các bạn đều đeo cặp	học bài.
Chị hai dạy em	rủ nhau đi học.
Bố mẹ rất hãnh diện	vì em là học sinh xuất sắc.

Bài 4: Chọn từ viết đúng trong ngoặc đơn điền vào chỗ chấm.

Nằm dưới mặt đất ẩm thấp, quả sồi ao ước được ở trên cao ..... **(nghắm / ngắm)** trăng sao, sông núi. Nó nhờ cây sồi đưa ..... **(nên / lên)** cành cao. Cây sồi bảo:

- Hãy tự mọc ..... **(rễ / dễ)** nhanh lên rồi cháu sẽ ..... **(chở / trở)** thành một cây cao như bác.

Bài 5: Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu rồi viết lại.

tiếng / dỏng tai / chú mèo / nghe / chít chít / lũ chuột / của

Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 20

Em đọc bài và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

TẶNG BẠN

Tặng bạn một nụ cười
Là niềm vui nho nhỏ
Tặng bạn một chút gió
Là hương thơm đầu mùa.

Tặng bạn một cơn mưa
Lúa trên đồng tắm mát

Tặng bạn một câu hát
Xuân về rộn tiếng chim.

Tặng bạn một nỗi niềm
Là bao nhiêu mơ ước
Mong quê hương đất nước
Mãi thắm tươi đẹp giàu.

(Theo Nguyễn Lãm Thắng)

Câu 1: Bài thơ có tên là gì?

A. tặng mẹ B. tặng ba C. tặng bạn

Câu 2: Nụ cười tặng bạn là gì?

A. nỗi buồn B. niềm vui C. hạnh phúc

Câu 3: Tặng bạn cơn mưa để làm gì?

A. lúa trên đồng tắm mát B. bạn tắm mát C. bạn vui chơi

Câu 4: Tác giả mong quê hương, đất nước sẽ như thế nào?

A. Mãi thắm tươi đẹp giàu B. thắm tươi C. đẹp giàu

Câu 5: Tìm từ ngữ trong bài có vần ui và đặt câu với từ tìm được.

Câu 6: Viết một câu với mỗi từ sau:

khoác vai:

ngoắc tay:

Câu 7: Tô màu vào những từ chỉ tình cảm bạn bè.

quý mến thân thiết nấu cơm gần gũi dọn dẹp

Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 20

BÀI TẬP:

Bài 1: Điền vần oăng / oac / oach vào chỗ chấm.


con h.....


kế h.....


kh..... vai


x..... chân


áo kh.....

Bài 2: Chọn d / gi điền vào chỗ chấm.

- Thầy .....áo .....ạy học.
- .....àn thiên lí nở hoa vàng tươi trước sân.
- Quê em có nghề .....ã .....ò
- Cuối tuần, cả nhà em đi xem biểu .....iễn xiếc.

Bài 3: Nối.

Khi học múa, em	vì được đi chơi cùng các bạn.
Vân rất vui	phải tập xoạc chân.
Bạn Nam là	học sinh lớp 1A.

Bài 4: Chọn từ viết đúng trong ngoặc đơn điền vào chỗ chấm.

Quê em

Bên ..... **(này / lày)** là ..... **(núi / lúi)** uy nghiêm
Bên ..... **(cia / kia)** là cánh đồng liền ..... **(trân / chân)** mây.
Xóm ..... **(làng / nàng)** ..... **(sanh / xanh)** mát bóng cây
..... **(Sông / Xông)** xa trắng cánh cò bay ..... **(nưng / lưng)** trời.

(Theo Trần Đăng Khoa)

Bài 5: Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu rồi viết lại.

cùng nhau / ngày nghỉ / gia đình em/ đi chơi

Bài 6: Viết câu phù hợp với tranh.



Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 21

Em đọc bài và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Bà và cháu

Mẹ mang về cho Diệu Thu một quyển sách. Mẹ nói:

- Khi còn nhỏ, bà thường đọc sách và kể chuyện cho con nghe. Bây giờ con đã lớn, con đã biết đọc, biết viết. Con hãy đọc sách cho bà nghe.

Diệu Thu chạy đến bên bà:

- Bà ngồi xuống đây, cháu đọc truyện cho bà nghe ạ!

(Theo Ngôi Sao Xinh)

Câu 1: Mẹ mang gì về cho Diệu Thu?

A. một quyển sách B. một bộ chữ C. một hộp màu

Câu 2: Khi Diệu Thu còn nhỏ, bà thường làm gì?

A. Bà thường dẫn Diệu Thu đi chợ và mua bánh kẹo.

B. Bà thường đọc sách và kể chuyện cho Diệu Thu nghe.

C. Bà thường hát ru cho Diệu Thu ngủ ngoan.

Câu 3: Nghe lời mẹ, Diệu Thu đã làm gì?

A. Diệu Thu tập hát chung với bà. B. Diệu Thu kể chuyện cho bà nghe.

C. Diệu Thu đọc truyện cho bà nghe.

Câu 4: Diệu Thu là một cô bé như thế nào?

A. Diệu Thu là một cô bé ngoan, biết vâng lời và rất yêu quý bà.

B. Diệu Thu là một cô bé hư, không biết vâng lời nhưng rất yêu quý bà.

C. Cả A và B đều đúng.

Câu 5: Tìm các từ ngữ trong bài có vần uyên và đặt 1 câu với từ tìm được.

Câu 6: Kể 2 - 3 việc em đã làm để giúp đỡ ba mẹ.

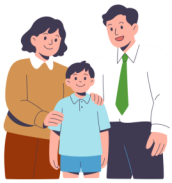
Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 21

BÀI TẬP:

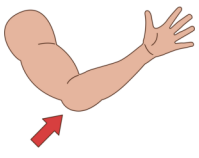
Bài 1: Điền vần uya / uyu / uynh / uych / uyp vào chỗ chấm.



đêm kh.....



phụ h.....



kh..... tay



ngã h.....



t..... thuốc

Bài 2: Chọn tr / ch điền vào chỗ chấm.

câu .....uyện	.....uyền cành	.....ông mong	cốc .....én
cuộn .....ỉ	bức .....anh	.....ái cây	con .....âu

Bài 3: Nối.

Sáng nào mẹ	thiếu niên nhi đồng.
Bác Hồ rất yêu	xua tan giá lạnh.
Các bác nông dân	cũng gánh rau ra chợ.
Mùa xuân sang	đang gặt lúa.

Bài 4: Chọn từ viết đúng trong ngoặc đơn điền vào chỗ chấm.

Thỏ và Rùa thi ..... **(chạy / trạy)**. Chạy được một đoạn, Thỏ ..... **(ngĩ / nghĩ)**: Mình ..... **(nghỉ / ngỉ)** đã, Rùa chậm lắm. Thỏ ..... **(ngả / nghả)** lưng bên gốc cây và nhắm ..... **(mắc / mắt)** lại. Một lúc, Thỏ đã ..... **(ngáy / ngháy)** khò khò.

Bài 5: Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu rồi viết lại.

thường / gia đình / bên nhau / em / quây quần / nghỉ lễ

Bài 6: Viết câu phù hợp với tranh.



Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 22

Em đọc bài và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Thương mẹ

Đón con từ lớp trở về,
Bão xô nghiêng ngả bốn bề núi non.
Áo ni lông nhỏ nhường con,
Ráo khô, ấm áp bon bon tận nhà.
Bây giờ con mới nhận ra,
Gió mưa mình mẹ ướt nhoà tấm thân...

(Theo Vương Trọng)



Câu 1: Mẹ đón con từ đâu trở về?

A. từ nhà bà B. từ lớp học C. từ công viên

Câu 2: Khi gặp mưa bão, mẹ đã nhường con cái gì?

A. cái nón đội đầu B. cái ô che mưa C. áo ni lông nhỏ

Câu 3: Ai là người được khô ráo và ấm áp?

A. người con B. người mẹ C. cả hai mẹ con

Câu 4: Qua việc làm của mẹ, con đã nhận ra điều gì?

A. Mẹ luôn đón con đúng giờ dù có mưa bão.

B. Mẹ đã nhường nhịn, hi sinh vì con cái.

C. Mẹ rất chiều chuộng con cái.

Câu 5: Tìm từ ngữ trong bài có vần ao và oa, đặt 1 câu với từ tìm được.

Câu 6: Viết câu với mỗi từ sau:

yêu thương:

chăm sóc:

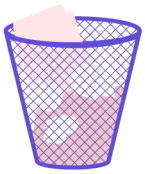
Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 22

BÀI TẬP:

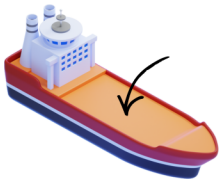
Bài 1: Điền vần oc / ot / ong / oong vào chỗ chấm.



con c.....



cái s.....



b..... tàu



con .....



x..... nồi

Bài 2: Chọn ng / ngh điền vào chỗ chấm.

- .....ỗng đi trong .....õ còn .....é con .....ỉ trưa dưới bụi tre.
- Lời nói của mẹ, em .....e thật êm dịu, ...ọt .....ào.

Bài 3: Nối.

Vườn hoa hồng	trời trở nên rét buốt.
Chú bộ đội	đang toả hương thơm ngát.
Đêm mùa đông,	chạy rất nhanh vào rừng.
Con hoẵng	đi tuần tra biên giới.

Bài 4: Đánh dấu (x) vào ô trống trước các câu viết đúng.

- ☐ Mẹ bẻ nghô trên rẫy.
- ☐ Bà ru bé ngủ say.
- ☐ Chị hai đưa bé đi qua nghã tư.
- ☐ Tôm viết thư cho mẹ.
- ☐ Bé trơi nhảy dây.
- ☐ Thầy giáo đang giảng bài.

Bài 5: Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu rồi viết lại.

như / Thái Sơn / công / núi / cha

chảy ra / như / nghĩa mẹ / trong nguồn / nước

Bài 6: Viết câu phù hợp với tranh.



Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 23

Em đọc bài và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Ngôi trường mới

Trường mới của em xây trên nền ngôi trường cũ lợp lá. Nhìn từ xa, những mảng tường vàng, ngói đỏ như những cánh hoa lấp ló trong cây.

Em bước vào lớp, vừa bỡ ngỡ vừa thấy quen thân. Tường vôi trắng, cánh cửa xanh, bàn ghế gỗ xoan đào nổi vân như lụa. Em thấy tất cả đều sáng lên và thơm tho trong nắng mùa thu.

Dưới mái trường mới, sao tiếng trống rung động kéo dài! Tiếng cô giáo trang nghiêm mà ấm áp. Tiếng đọc bài của em cũng vang vang đến lạ! Em nhìn ai cũng thấy thân thương. Cả đến chiếc thước kẻ, chiếc bút chì sao cũng đáng yêu đến thế!

(Ngô Quân Miện)

Câu 1: Nhìn từ xa, những mảng tường vàng, ngói đỏ như thế nào?

A. Như những cánh hoa lấp ló trong cây.

B. Như những ngôi sao trên bầu trời.

C. Như những chiếc lá xanh tươi mới mọc.

Câu 2: Bạn nhỏ trong bài cảm thấy thế nào khi bước vào lớp?

A. Vừa vui mừng vừa lo sợ năm học mới.

B. Vừa bỡ ngỡ vừa thấy quen thân.

C. Vừa chán vừa không có bạn quen cũ.

Câu 3: Lớp học được miêu tả như thế nào?

A. Tường vôi trắng, cánh cửa xanh.

B. Bàn ghế gỗ xoan đào nổi vân như lụa.

C. Cả A và B đều đúng.



Câu 4: Tiếng cô giáo nghe như thế nào?

A. trang nghiêm B. dịu dàng C. trang nghiêm mà ấm áp

Câu 5: Theo em, bạn nhỏ trong bài có thích đến trường không?

A. không thích B. rất thích C. cảm thấy bình thường

Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 23

BÀI TẬP:

Bài 1: Điền vần iêm / im / iêng / iên vào chỗ chấm.


dừa x.....


con k.....


ch..... chóc


lưỡi l.....


quả sầu r.....

Bài 2: Chọn l / n điền vào chỗ chấm.

.....ớp học	.....ão ....ùng	.....ợ .....ần	....anh ....ợi
.....ô .....ức	.....ăn .....óc	...ong ...anh	.....o .....ê

Chọn d / gi điền vào chỗ chấm.

.....iễn viên	tam .....ác	.....ũng cảm	hấp .....ẫn
.....ạ hội	dân .....an	ca .....ao	.....oạ nạt

Bài 3: Nối.

Em có ước mơ	thật là vui.
Ngày khai trường	trở thành cô giáo.
Chim hót líu lo	nhiều điều hay.
Cô giáo dạy chúng em	trên cành cây.

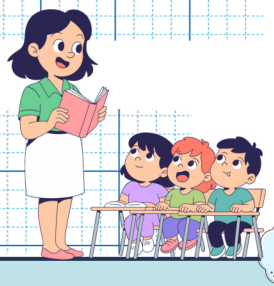
Bài 4: Đánh dấu (x) vào ô trống trước các câu viết đúng.

- ☐ Em nhớ đi bộ trên nề đường.
- ☐ Chim hót níu no.
- ☐ Cô giáo nhìn em và mỉm cười.
- ☐ Bé Na xay xưa tập múa.
- ☐ Hai chị em cùng khiêng cái bàn.
- ☐ Em thích ăn khoai lang.

Bài 5: Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu rồi viết lại.

nắn nót / ngắm nhìn / Phương / trên bảng / dòng chữ

Bài 6: Viết câu phù hợp với tranh.



Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 24

Em đọc bài và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Lớp học cuối đông

Bây giờ đã là cuối mùa đông. Hôm nay, trời trở nên rét thêm. Mấy bạn nhỏ vẫn rủ nhau đến lớp. Những ngón tay nho nhỏ đỏ lên vì lạnh. Thầy giáo và các bạn quây quần bên đống lửa.

Tiếng nói dè dặt ban đầu to dần lên theo ngọn lửa. Các bạn kể cho thầy giáo nghe về cuộc sống của mình. Đêm qua, con bò nhà bạn Súa đẻ một con bê mập mạp. Bạn thức suốt đêm đốt lửa cho mẹ con chúng sưởi. Bạn Mua thì kể về đám cưới của chị gái, về bộ váy áo đẹp nhất, sặc sỡ nhất mà bạn nhìn thấy. Bạn Chơ kể về cái hàng rào đá mà bố con bạn đang xếp dở. Cái hàng rào đá được xếp bằng những hòn đá xanh, bằng sự khéo léo, cần cù của những bàn tay yêu lao động...

(Theo Lục Mạnh Cường)

Câu 1: Trong bài đọc có tất cả mấy câu?

A. 11 câu | B. 12 câu | C. 13 câu

Câu 2: Trong bài đọc nhắc đến mùa nào?

A. mùa xuân | B. mùa hè | C. mùa đông

Câu 3: Khi trời rét các bạn nhỏ làm gì?

A. Mấy bạn nhỏ vẫn rủ nhau tụ tập ăn bánh.

B. Mấy bạn nhỏ vẫn rủ nhau đến lớp.

C. Mấy bạn nhỏ rủ nhau chơi bên đống lửa.



Câu 4: Thầy giáo và các bạn nhỏ đã làm gì?

A. quây quần bên đống lửa

B. kể chuyện cho nhau nghe

C. Cả A và B đều đúng.

Câu 5: Nối.

Bạn Súa kể:	Đám cưới của chị gái có bộ váy đẹp.
Bạn Mua kể:	Bạn cùng bố đang xếp hàng rào đá.
Bạn Chơ kể:	Con bò đẻ một con bê mập mạp.

Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 24

BÀI TẬP:

Bài 1: Điền vần yêm / iêng / eng / oay / uy vào chỗ chấm.



cái .....



x..... vòng



cái k.....



l..... tre



t..... nói

Bài 2: Chọn l / n điền vào chỗ chấm.

.....uyện đọc	....ước lọc	....ưng còng	.....ém bóng

Chọn g / gh điền vào chỗ chấm.

soi .....ương	cái .....ối	.....é thăm	bàn .....ế

Bài 3: Nối.

Chúng em háo hức	từng dòng chữ trong vở.
Phương nắn nót	chờ đón ngày khai trường.
Mẹ dẫn tôi đi	các bạn chơi ở sân trường.
Cô giáo nhìn	trên con đường làng.

Bài 4: Chọn từ viết đúng trong ngoặc đơn điền vào chỗ chấm.

Mẹ em là..... **(giáo viên/ dáo viên)**, mẹ làm việc rất ..... **(trăm chỉ/ chăm chỉ)**. Buổi tối, mẹ hay ..... **(chấm bài/ trấm bài)** và ..... **(chữa bài/ trữa bài)** cho các bạn học sinh. Có hôm mẹ ..... **(chấm/ trấm)** bài đến khuya mới đi ..... **(nghủ/ ngủ).**

Bài 5: Gạch dưới từ viết sai và sửa lại.

Sau chận mưa dào, mọi vật đều xáng và tươi.

Sửa lỗi:

Bài 6: Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu rồi viết lại.

ngăn bàn/ gấp / chúng em / sách vở / trong / gọn gàng

Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 25

Em đọc bài và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Lời chào

Đi về con chào mẹ
Ra vườn cháu chào bà
Ông làm việc trên nhà
Cháu lên: "Chào ông ạ!"
Lời chào thân thương quá
Làm mát ruột cả nhà
Đẹp hơn mọi bông hoa
Cháu kính yêu trao tặng.

(Sưu tầm)



Câu 1: Đi về bạn nhỏ chào ai?

A. mẹ B. ông, bà C. ông, bà và mẹ

Câu 2: Bạn nhỏ trong bài đã phải đi đâu để gặp bà?

A. ra vườn B. ra ngoài sân C. vào trong nhà

Câu 3: Ông làm việc ở đâu?

A. trên nhà B. ngoài sân C. trên lầu

Câu 4: Lời chào làm cho mọi người cảm thấy thế nào?

A. làm buồn lòng mọi người

B. thân thương, làm mát ruột cả nhà

C. gần gũi, làm mát ruột cả nhà

Câu 5: Lời chào đẹp như thế nào?

A. đẹp hơn viên ngọc B. đẹp hơn kim cương C. đẹp hơn mọi bông hoa

Câu 5: Tìm các từ ngữ trong bài có vần ao, ương và đặt 1 câu với từ tìm được.

Câu 6: Viết câu với mỗi từ sau:

hạnh phúc:

lễ phép:

Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 25

BÀI TẬP:

Bài 1: Điền vần ân / âng / ương / ưng vào chỗ chấm.

cái c..... | v..... trăng | cái g..... | kính c..... | dây th.....

Bài 2: Chọn s / x điền vào chỗ chấm.

hố .....âu	.....ót .....a	khổ .....ở	.....ấu .....a
xổ .....ố	.....à phòng	.....ù .....ì	.....ơ hở

Bài 3: Nối.








NÊN | KHÔNG NÊN

Bài 4: Nối.

Ăn chín, uống sôi	để phòng bệnh.
Cần rửa tay bằng	xà phòng với nước sạch.
Em không nên tự ý	lấy đồ vật trên cao.

Bài 5: Chọn từ viết đúng trong ngoặc đơn điền vào chỗ chấm.

Bố cho Giang một quyển vở mới. Giữa **(trang / chang)** ..... bìa là một **(chiếc / triếc)** ..... nhãn vở **(trang chí / trang trí)** ..... rất đẹp. Giang **(lấy / nấy)** ..... bút **(lắn lót / nắn nót)** ..... viết tên **(chường / trường)** ....., tên lớp, họ và tên của em vào nhãn vở.

Bài 6: Gạch dưới từ viết sai và sửa lại.

Khói bốc lên ngi nghút khiến xói sám bị nghạt, suýt nữa là chết mất.

Sửa lỗi:

Bài 7: Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu rồi viết lại.

nhớ / đóng cửa / em / mẹ / dặn / cẩn thận

Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 26

Em đọc bài và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Bé Lan đi lạc

Mẹ dắt Lan đi siêu thị mua sắm. Lan thích lắm, vừa đi vừa ngắm những món đồ đầy màu sắc. Mẹ dặn Lan: "Đi cùng mẹ không được đi xa mẹ nhé!".

Nhưng khi mẹ đang chọn đồ, Lan thấy một chú gấu bông to rất đẹp. Lan chạy lại xem mà quên mất mẹ đang ở đâu. Nhìn quanh không thấy mẹ, Lan bắt đầu sợ hãi, đôi mắt rưng rưng: "Mẹ ơi... mẹ đâu rồi?". Lan chợt nhớ lời cô giáo dặn ở lớp: "Khi bị lạc, không chạy lung tung, hãy tìm cô chú bảo vệ hoặc người lớn đáng tin cậy để nhờ giúp đỡ.".

Lan bình tĩnh đi đến chỗ chú bảo vệ gần cửa ra vào và nói: "Chú ơi, cháu bị lạc mẹ rồi ạ!". Chú bảo vệ mỉm cười hiền hậu, chú hỏi tên và liền thông báo qua loa phát thanh. Một lát sau, mẹ chạy tới, ôm chầm lấy Lan. Mẹ khen: "Con đã nhớ lời cô dặn và biết nhờ người giúp đỡ. Con gái của mẹ giỏi quá!". Lan cười thật tươi và ôm mẹ thật chặt.

Câu 1: Mẹ và Lan đi đâu?

A. đi chợ B. đi siêu thị mua sắm C. đi công viên

Câu 2: Vì sao Lan bị lạc?

A. Vì siêu thị đông người quá. B. Vì Lan tự ý đi vệ sinh một mình.

C. Vì Lan mải xem một chú gấu bông to.



Câu 3: Khi bị lạc Lan đã làm gì?

A. Lan sợ hãi, chạy lăng xăng tìm mẹ khắp nơi.

B. Lan la hét gọi tên mẹ thật to.

C. Lan bình tĩnh đi đến chỗ chú bảo vệ nhờ giúp đỡ.

Câu 4: Vì sao Lan được mẹ khen?

A. Vì Lan nhớ lời cô dặn và biết nhờ người giúp đỡ.

B. Vì Lan tự tin đi một mình ở nơi đông người.

C. Vì Lan không la hét, biết giữ trật tự nơi công cộng.

Câu 5: Viết lại câu mẹ đã khen Lan.

Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 26

BÀI TẬP:

Bài 1: Tìm từ có chứa các vần sau:

iêu:	**uyt:**
iêm:	**oanh:**

Bài 2: Điền thanh ngã (~) hoặc thanh hỏi (ˀ) vào các từ in đậm.

nga tư	vĩnh **viên**	**y** lại	trí **nao**
nghiêng **nga**	phát **triên**	**nô** lực	**ngu** vị hương

Bài 3: Nối.

Khi có đèn đỏ	xe cộ cần phải dừng lại.
Em không hoảng hốt	đá cầu dưới sân trường.
Em nhớ chào hỏi	khi bị lạc.
Các bạn say mê	khi gặp gỡ mọi người.

Bài 4: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ chấm.

khai trường

đá cầu

âu yếm

- Ngày ..... thật là vui.
- Cô giáo..... nhìn các bạn ở sân trường.
- Các bạn say mê ..... dưới sân trường.

Bài 5: Gạch dưới từ viết sai và sửa lại.

Mở chang vở mới

Trép bài đầu năm

Tay cứ dun giun

Mực ơi, thơm qá!

Thước ngoan bên cặp

Bút ngoan chong tay

Ai cũng tuyệc hay

Bé thua xao được?

Bài 6: Viết câu phù hợp với tranh.



Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 27

Em đọc bài và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Sơn ca, nai và ếch

Sơn ca, nai và ếch thân nhau. Ba bạn thường gặp nhau, kể cho nhau nghe những câu chuyện thú vị. Sơn ca kể về bầu trời. Ếch kể chuyện dưới nước. Nai kể chuyện rừng sâu.

Một hôm, ba bạn quyết định đổi việc cho nhau. Sơn ca thử lao mình xuống nước, suýt nữa thì chết đuối. Nai leo lên mỏm đá tập bay. Nhưng nó vừa tung mình lên thì rơi huỵch xuống đất, đau điếng. Còn ếch thì thấy rừng rậm thật khủng khiếp.

Gặp lại nhau, ba bạn đồng thanh nói: "Chúng ta không chơi trò dại dột như vậy nữa!

(Theo Lê Thị Bạch Tuyết)

Câu 1: Sơn ca, nai và ếch là gì của nhau?

A. là bạn thân B. là hàng xóm C. là anh em

Câu 2: Ba bạn thường làm gì?

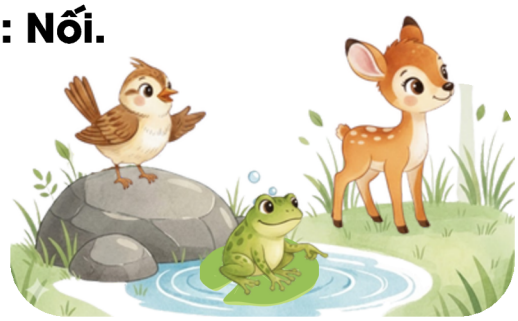


A. Ba bạn thường gặp nhau

B. Kể cho nhau nghe những câu chuyện thú vị.

C. Cả A và B đều đúng.

Câu 3: Nối.



	kể về bầu trời.
	kể chuyện rừng sâu.
	kể chuyện dưới nước.

Câu 4: Ba bạn quyết định làm gì?

A. về nhà nhau chơi B. đổi việc cho nhau C. nghỉ chơi với nhau

Câu 5: Nối.

Ếch	tập bay nhưng rơi huỵch xuống đất, đau điếng.
Sơn ca	thử lao mình xuống nước, suýt nữa thì chết đuối.
Nai	thấy rừng rậm thật khủng khiếp.

Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 27

BÀI TẬP:

Bài 1: Điền vần âu / au / ai / ay vào chỗ chấm.


l..... nhà


c..... trượt


c..... còi


máy m.....


hố s.....

Bài 2: Chọn tr / ch điền vào chỗ chấm.

cây .....e	.....ữ viết	.....ường học	tô .....áo

Chọn ng / ngh điền vào chỗ chấm.

.....oắc tay	.....ẩng đầu	.....i ngờ	.....e ngóng

Bài 3: Nối.

Ông kể cho em nghe	có khả năng đưa thư.
Bồ câu là loài chim	đang nhảy nhót trên cành cây.
Mấy chú chim sẻ	sẽ có nhiều bạn bè.
Người tốt bụng	một câu chuyện cảm động.

Bài 4: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ chấm.

Con gà ..... ngã xuống ao.

Vịt không biết, hỏi: "Làm sao .....?"

Gà ta ..... nói thầm

"Tôi không nghe mẹ, chơi gần bờ ao."

(Theo Nhược Thuỷ)

xấu hổ

nghịch ngợm

ướt đầm

Bài 5: Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu rồi viết lại.

nắng / ông / toả / mặt trời / vàng ươm

Bài 6: Viết câu phù hợp với tranh.



Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 28

Em đọc bài và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Con cáo và cái bóng

Một con cáo tinh thần đang vui vẻ thèm ăn rời hang đi tìm mồi. Khi nó chạy, nắng chiều chiếu xuống trên lưng nó làm bóng nó đổ dài trên mặt đất, nhìn y như là nó cao lớn hơn mọi hôm gấp nhiều lần.

"Ô, xem kìa!" con cáo tự hào la lớn, "mình mới cao lớn làm sao! Sao mình lại phải bỏ chạy mỗi khi thấy sư tử bé nhỏ ấy nhỉ! Mình sẽ cho sư tử biết ai mới xứng đáng làm vua khu rừng này, sư tử hay là mình."

Ngay khi đó, một cái bóng khác khổng lồ bao trùm lấy nó, và trong chớp mắt nó đã té xuống chỉ với một cú đấm của sư tử.

Câu 1: Con cáo đang làm gì?

A. rời hang đi tìm mồi B. nằm ngủ trong hang C. ra ngoài dạo chơi

Câu 2: Con cáo thấy gì trên mặt đất?

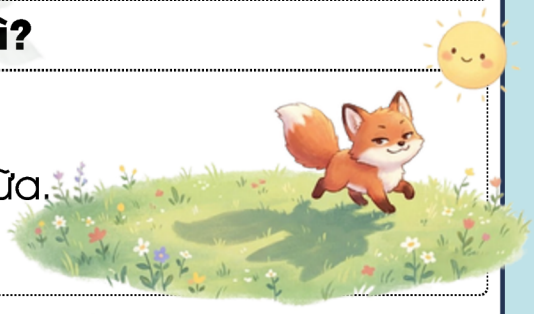
A. bóng của hà mã B. bóng của chính mình C. bóng của thợ săn

Câu 3: Khi thấy bóng mình, cáo đã nghĩ điều gì?

A. Mình mới cao lớn làm sao!

B. Không cần bỏ chạy mỗi khi thấy sư tử bé nhỏ nữa.

C. Cả A và B đều đúng.



Câu 4: Chiếc bóng khổng lồ mà cáo thấy là của ai?

A. bóng của hổ B. bóng của sư tử C. bóng của thợ săn

Câu 5: Cáo bị làm sao khi gặp sư tử?

A. Cáo bỏ chạy thật nhanh.

A. Cáo đã té xuống chỉ với một cú đấm của sư tử.

B. Cáo vui vẻ trò chuyện cùng sư tử.

Câu 6: Em học được điều gì qua câu chuyện trên?

A. Không nên kiêu ngạo về bản thân.

B. Không nên làm bạn với sư tử.

C. Lúc nào cũng phải rụt rè trước con vật to lớn.

Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 28

BÀI TẬP:

Bài 1: Khoanh từ viết sai và sửa lại:

luốn rau		ước át	
cuộng chỉ		xoai vòng	

Bài 2: Điền vần ai hay ay thích hợp vào chỗ chấm.

ch..... nước	h..... hước	v..... áo	ớt c.....
m..... bay	s..... sưa	cây m.....	m..... tóc

Bài 3: Nối.

Hà luôn giúp đỡ bạn bè	tốt của con người.
Thật thà là một đức tính	nên được mọi người yêu mến.
Các bác nông dân	đang làm việc chăm chỉ.

Bài 4: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ chấm.

thông minh | xanh tươi | khỏe mạnh | chậm chạp

- Tập thể dục giúp cho cơ thể .....
- Quạ là loài chim rất .....
- Núi rừng hùng vĩ với cây cối ..... bao phủ thật đẹp.

Bài 5: Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu rồi viết lại.

bạn bè / bé Lan / có nhiều / vì / vui vẻ

một / là / nói dối / xấu / thói quen

Bài 6: Viết câu phù hợp với tranh.



Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 29

Em đọc bài và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Gấu trắng là chúa tò mò

Ở Bắc Cực, hầu hết các con vật đều có bộ lông trắng: chim ưng trắng, cú trắng, thỏ trắng, đến gấu cũng trắng nốt. Gấu trắng là con vật to khỏe nhất. Nó cao gần 3 mét và nặng tới 800 ki-lô-gam.

Đặc biệt, gấu trắng rất tò mò. Có lần, một thủy thủ rời tàu đi dạo. Trên đường trở về, thấy một con gấu trắng đang xông tới, anh khiếp đảm bỏ chạy. Gấu đuổi theo. Sực nhớ là con vật này có tính tò mò, anh ném lại cái mũ. Thấy mũ, gấu dừng lại, đánh hơi, lấy chân lật qua lật lại chiếc mũ. Xong, nó lại đuổi. Anh thủy thủ vứt tiếp găng tay, khăn, áo choàng... Mỗi lần như vậy, gấu đều dừng lại , tò mò xem xét. Nhưng vì nó chạy rất nhanh nên suýt nữa thì tóm được anh. May mà anh đã kịp nhảy lên tàu, vừa sợ vừa rét run cầm cập.

Theo Lê Quang Long, Nguyễn Thị Thanh Huyền

Câu 1: Những con vật nào được nhắc tới trong bài?

A. chim ưng, cú B. thỏ, gấu C. Cả A và B đều đúng.

Câu 2: Vì sao nói gấu trắng là con vật to khỏe nhất?

A. Vì mấy con vật còn lại đều nhỏ xíu.

B. Vì nó cao gần 3 mét và nặng tới 800 ki-lô-gam.

C. Vì ở Bắc Cực chỉ có mỗi gấu trắng.

Câu 3: Gấu trắng có tính cách gì đặc biệt?

A. rất hung dữ B. rất thân thiện C. rất tò mò

Câu 4: Các đồ vật anh thủy thủ vứt lần lượt là:

A. cái mũ → găng tay → áo choàng → khăn

B. cái mũ → găng tay → khăn → áo choàng

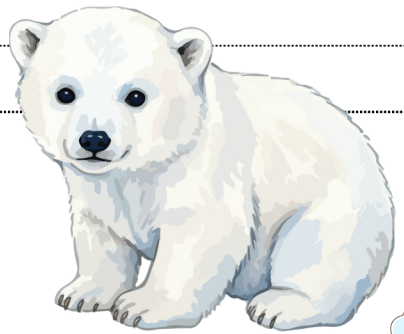
C. áo choàng → cái mũ → khăn → găng tay

Câu 5: Cuối cùng anh thủy thủ như thế nào?

A. Anh đã kịp nhảy lên tàu.

B. Anh không kịp nhảy lên tàu.

C. Anh bị gấu trắng bắt được.



Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 29

BÀI TẬP:

Bài 1: Chọn s/x điền vào chỗ chấm:

học ....inh	cửa .....ổ	.....inh đẹp	nước .....uối
.....ắp .....ếp	.....uyên suốt	chim .....ẻ	.....e máy

Chọn ng / ngh thích hợp vào chỗ chấm.

bắp .....ô	.....ỉ .....iêng	suy .....ĩ	.....ô .....ê

Chọn ch / tr thích hợp vào chỗ chấm.

.....ồng trọt	bức .....anh	bút ..... ì	.....ồi non

Bài 2: Nối.

Chim hải âu là loài	có thể bay xa ở biển.
Những con tàu lớn	mọi vật trong đêm tối.
Hổ có thể nhìn rõ	có thể đi qua các đại dương.

Bài 3: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ chấm.

một chiếc túi	chuột túi	ẩn nấp	êm ái	nguy hiểm

Ở nước Úc có một loài động vật tên là ..... Trên bụng chuột túi mẹ có ....., chuyên dùng để đựng con, gọi là túi sinh sản. Chuột túi con nằm trong túi ..... và bú dòng sữa ngọt ngào của mẹ, dần dần lớn lên. Khi ra ngoài, mỗi khi thấy nguy hiểm, chuột túi con lại vội vàng nhảy vào túi của mẹ để .....và được che chở.

Bài 4: Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu rồi viết lại.

nguy hiểm / động vật / hổ, báo, gấu / là

Bài 5: Viết câu phù hợp với tranh.



Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 30

Em đọc bài và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

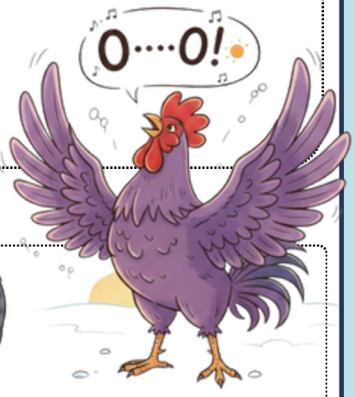
Chú gà trống ưa dậy sớm

Mấy hôm nay trời rét cóng tay. Càng về sáng, tiết trời càng lạnh giá. Trong bếp, bác mèo mướp vẫn nằm lỳ bên đống tro ấm. Bác lim dim đôi mắt, luôn miệng gừ gừ kêu: "Eo ôi! Rét! Rét!".

Thế nhưng mới sớm tinh mơ, chú gà trống đã chạy tót ra giữa sân. Chú vươn mình, dang đôi cánh to, khoẻ như hai cánh quạt, vỗ phành phạch. Cái mào đỏ rực. Chú rướn cổ lên gáy "o.....o!" vang cả xóm. Bộ lông màu tía trông thật đẹp mắt. Chú chạy đi chạy lại quanh sân, đôi đùi mập mạp, chắc nịch.

Tập đọc 1 - 1980





Câu 1: Câu nào cho thấy trời rét?

A. Trời rét cóng tay.

B. Càng về sáng, tiết trời càng lạnh giá.

C. Trời rét cóng tay. Càng về sáng, tiết trời càng lạnh giá.

Câu 2: Bác mèo mướp đã làm gì khi trời lạnh?

A. nằm lỳ bên đống tro ấm B. chạy tót ra giữa sân C. đi bắt chuột

Câu 3: Dáng điệu của chú gà trống được thể hiện như thế nào?

A. Chú vươn mình, dang đôi cánh to, khoẻ như hai cánh quạt, vỗ phành phạch.

B. Chú chạy đi chạy lại quanh sân, đôi đùi mập mạp, chắc nịch.

C. Cả A và B đều đúng.

Câu 4: Chú gà trống dậy sớm để làm gì?

A. để kiếm ăn B. gáy cho mọi người nghe

C. báo hiệu trời sáng và rèn luyện thân thể

Câu 5: Tìm các từ ngữ trong bài có vần ươp, ươn và đặt 1 câu với từ tìm được.

Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 30

BÀI TẬP:

Bài 1: Điền vần oc / ooc / ong / oong vào chỗ chấm.


mái t.....


con v.....


cải x.....


chùm b.....


quần s.....

Bài 2: Chọn l / n điền vào chỗ chấm:



- Sau cơn mưa, mặt trời ....ó rạng, một chiếc cầu vồng ....ấp .....ánh hiện ra.
- Trên đường phố, xe cộ đi .....ại tấp .....ập.

Chọn âm r/ d/ gi điền vào chỗ chấm:

Vừa .....a khỏi nhà, anh keo kiệt cởi ngay đôi .....ày, đeo lên cổ. Khi anh đến cổng nhà người bạn, một con chó .....ữ nhảy .....a cắn ngay vào bắp chân. Anh liền ôm lấy vết thương và mừng .....ỡ cho .....ằng .....ù sao cũng không hỏng đôi .....ày.

Bài 3: Nối.

Mùa xuân về	tha mồi về tổ.
Cô giáo luôn tôn trọng	ý kiến của chúng em.
Đàn kiến chăm chỉ	trăm hoa đua nở.

Bài 4: Chọn từ viết đúng trong ngoặc đơn điền vào chỗ chấm.

Hà rất thích con gà bà..... **(cho/ tro)**. Sáng sáng, Hà hay ..... **(dạy sớm / dậy sớm)** nghe gà gáy ò.. ó.. o. Vậy mà mãi nó ..... **(chẳng/ trẳng)** gáy. Một hôm, Hà tỉnh ..... **(dấc/ giấc)**, Hà ..... **(nge/ nghe)** gà cục ta cục tác. Giờ Hà đã ..... **(rõ/ dõ)** vì sao con gà chẳng gáy.

Bài 5: Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu rồi viết lại.

quả / bà trồng / giàn gấc / nhiều / có / chín đỏ

Bài 6: Viết 1 câu giới thiệu con vật mà em thích nhất.

Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 31

Em đọc bài và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Con chuồn chuồn nước

Ôi chao! Chú chuồn chuồn nước mới đẹp làm sao! Màu vàng trên lưng chú lấp lánh. Bốn cái cánh mỏng như giấy bóng. Cái đầu tròn và hai con mắt long lanh như thủy tinh. Thân chú nhỏ và thon vàng như màu vàng của nắng mùa thu. Chú đậu trên một cành lộc vừng ngả dài trên mặt hồ. Bốn cánh khẽ rung rung như đang còn phân vân.

Rồi đột nhiên, chú chuồn chuồn nước tung cánh bay vụt lên. Cái bóng chú nhỏ xíu lướt nhanh trên mặt hồ. Mặt hồ trải rộng mênh mông và lặng sóng.

(Theo Nguyễn Thế Hội)

Câu 1: Bài đọc trên có mấy câu?

A. 10 câu B. 11 câu C. 12 câu

Câu 2: Chú chuồn chuồn nước đẹp thế nào?

A. Thân chú nhỏ và thon vàng như màu vàng của nắng mùa thu.

B. Bốn cái cánh mỏng, cái đầu tròn, hai con mắt long lanh như thủy tinh.

C. Cả hai ý A và B.

Câu 3: Chú chuồn chuồn nước đậu ở đâu?

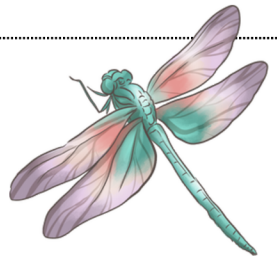
A. trên mặt sông B. trên lá sen C. một cành lộc vừng

Câu 4: Mặt hồ thế nào?

A. Mặt hồ trải rộng mênh mông và gợn sóng.

B. Mặt hồ trải rộng mênh mông và lặng sóng.

C. Mặt hồ trải rộng mênh mông, in bóng chú chuồn chuồn.



Câu 5: Tìm các từ ngữ trong bài có âm tr, vần anh và đặt 1 câu với từ tìm được.

âm **tr:**

vần **anh:**

Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 31

BÀI TẬP:

Bài 1: Điền vào chỗ chấm:

c hay k

- Có .....ông mài sắt có ngày nên .....im.
- Con .....iến mà leo .....ành đa,

Leo phải .....ành ....ụt, leo ra leo vào.

Con .....iến mà leo .....ành đào,

Leo phải .....ành ....ụt, leo vào leo ra.

l hay n

.....ắng mưa	ăn .....o
.....ấp .....ánh	.....o sợ
....ung ....inh	....ớp học
.....o .....ắng	...ặng ....ề
ẩn .....ấp	.....ặng lẽ

Bài 2: Nối.

Những tia nắng sớm	những ngọn cây cao vút.
Đàn chim đậu trên	cả sân trường vào mùa hè.
Trăng rằm	tỏa sáng lung linh.
Hoa phượng nở đỏ rực	mở đầu một ngày mới.

Bài 3: Gạch dưới từ viết sai và sửa lại.

Mùa hè trui vào quả mít

Hóa thành múi mật dàng ong

Mùa hè mặt chời đỏ chót

Chăn đàn dưa hấu bên xông.

Bài 4: Quan sát và ghi một câu thích hợp với hình:



Bài 5: Viết 1 câu với mỗi từ sau:

đông vui:

màu sắc:

giúp đỡ:

Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 32

Em đọc bài và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Chim gáy

Con chim gáy hiền lành, béo nục. Đôi mắt nâu trầm ngâm, ngơ ngác nhìn xa. Cái bụng mịn mượt, cổ quấn đầy hạt cườm lấp lánh, biêng biếc. Chàng chim gáy nào có giọng gáy càng trong càng dài, thì mỗi mùa lại được vinh dự đeo thêm vòng cườm đẹp quanh cổ.

Chim gáy chuyên đi nhặt thóc rụng. Nó tha thẩn, cặm cụi theo sau người đi gặt lúa.

(Theo Tô Hoài)

Câu 1: Bài đọc trên có mấy câu?

A. 6 câu B. 7 câu C. 8 câu

Câu 2: Từ ngữ nào tả hình dáng của con chim gáy?

A. hiền lành B. béo nục C. trầm ngâm

Câu 3: Đôi mắt của con chim gáy được tả như thế nào?



A. Đôi mắt đen trầm ngâm, ngơ ngác.

B. Đôi mắt nâu trầm ngâm, ngơ ngác nhìn xa.

C. Đôi mắt to, đen láy thể hiện sự thông minh.

Câu 4: Chim gáy có giọng gáy trong và dài thì sẽ được gì?

A. Được cho ăn nhiều thóc gạo ngon mỗi ngày.

B. Được vinh dự đeo thêm vòng cườm đẹp quanh cổ.

C. Được cho ở chuồng riêng và ăn ngon.

Câu 5: Chim gáy cặm cụi theo sau người đi gặt lúa để làm gì?

A. để vui chơi B. nhặt thóc rụng C. để gáy o o

Câu 6: Tìm các từ ngữ trong bài có vần oc, ong và đặt 1 câu với từ tìm được.

Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 32

BÀI TẬP:

Bài 1: Điền vào chỗ chấm:

- Vần **uôt** hay **uôc**: Chúng em đã học th..... bài cô giáo cho.
- Vần **ăn** hay **ăng**: Trung thu, mặt tr..... rằm tỏa sáng lung linh.
- Vần **it** hay **ich**: Cây m..... trong vườn nhà bà đã chín.
  Em rất th..... nghe chuyện cổ t.....
- Vần **ong** hay **ông**: Con ..... vàng mải mê bay quanh những b..... cúc vàng.

Bài 2: Nối.

Đoàn tàu đánh cá	lúc nào cũng gọn gàng.
Góc học tập của em	đang cập bến.
Ngoài đường phố,	rợp bóng mát.
Hàng cây phượng vĩ	người và xe đi lại tấp nập.

Bài 3: Chọn từ viết đúng trong ngoặc đơn điền vào chỗ chấm.

Nắng chiếu vào ..... **(tổ trim/ tổ chim)**. Chim bay ra khỏi tổ, ... **(cấc tiến hót / cất tiếng hót)**. Nắng chiếu vào tổ ong. Ong bay ra khỏi tổ, đi ..... **(kyếm / kiếm)** mật. Nắng chiếu vào nhà, gọi bé đang nằm ..... **(ngủ / nghủ)**. Bé thức ..... **(dạy / dậy)**, chuẩn bị đến ..... **(trường / chường)**. Một ngày mới bắt đầu.

Bài 4: Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu rồi viết lại.

trên / lộp độp / mưa / rơi / tiếng / mái nhà

Bài 5: Viết 1 câu với mỗi từ sau:

hoa phượng:

giấy khen:

Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 32

BÀI TẬP:

Bài 6: Nối.






thành phố

nông thôn






Bài 7: Viết tên các mùa thích hợp với tranh.






Bài 8: Thay các hình dưới đây thành từ thích hợp:

Chậm như ..... 

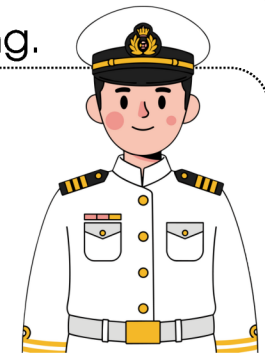
Nhanh như ..... 

Nóng như ..... 

Nhỏ như ..... 

Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 33

Em đọc bài và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.



Anh hải quân và biển

Anh đứng giữa đêm khuya
Gác cho luồng sóng trắng
Anh hát cho biển nghe
Tình yêu thương sâu lắng.

Có những đêm biển lặng
Biển nằm khóc một mình
Tàu ta bị bắn cháy
Biển đau nhói con tim.

Anh hải quân thủ thỉ
Biển đừng có lo gì
Việt Nam ôm ấp biển
Giặc dữ có là chi.

Rồi bao đêm anh thức
Biển vỗ nhạc lời ca
Anh hải quân xa nhà
Vẫn thấy mình hạnh phúc...

(Sưu tầm)

Câu 1: Bài thơ nhắc đến ai?

A. ba mẹ B. anh bộ đội C. anh hải quân

Câu 2: Anh hải quân đứng gác ở đâu?

A. ở biển B. ở rừng sâu C. ở thành phố

Câu 3: Vì sao anh hải quân nói biển khóc?

A. Vì tàu ta bị bắn cháy, biển đau nhói con tim.

B. Vì biển buồn do không có bạn bè.

C. Vì biển mít ướt, dễ khóc nhè.

Câu 4: Anh hải quân đã thủ thỉ điều gì với biển?

A. Biển đừng có lo gì, Việt Nam ôm ấp biển.

B. Biển nín đi có anh ở chơi cùng biển rồi.

C. Biển nín nhé, anh hát cho biển nghe.

Câu 5: Khi xa nhà anh hải quân cảm thấy như thế nào?

A. thấy nguy hiểm B. thấy buồn C. vẫn thấy hạnh phúc

Câu 6: Tìm các từ ngữ trong bài có vần uya, anh và đặt 1 câu với từ tìm được.

Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 33

BÀI TẬP:

Bài 1: Điền vào chỗ chấm:

- Vần **ươt** hay **ươc**: Cô khen em có sự tiến bộ v..... bậc.
- Vần **ươn** hay **ương**: Bạn cho mình m..... quyển sách này nhé!
- Vần **ươi** hay **ưi**: Cô giáo nhắc nhở học sinh không nên l..... biếng.
- Vần **oa** hay **ua**: Mẹ m..... một bó h..... hồng tặng sinh nhật bà.
- Vần **ao** hay **au**: M..... s..... thì nắng, vắng s..... thì mưa.
  Một con ngựa đ..... cả t..... bỏ cỏ.
- Vần **ưa** hay **ua**: M..... rơi tí tách trên lá, làm l..... càng xanh tươi hơn.

Bài 2: Nối.

Ngày Quốc khánh	chuyền cành ca hát.
Những chú chim	là ngôi nhà thứ hai của em.
Trường học	chạy huỳnh huỵch.
Các bạn chơi đuổi bắt	có lễ duyệt binh.

Bài 3: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ chấm.

chữ nhật	chúng mình	anh hùng	ngôi sao	rạng danh

Việt Nam là đất nước tươi đẹp của ..... Thủ đô nước mình là Hà Nội. Lá cờ Tổ quốc hình ....., nền đỏ, ở giữa có ..... vàng năm cánh. Việt Nam có những vị ..... có công lớn với đất nước. Những con người ấy đã làm ..... lịch sử nước nhà.

Bài 4: Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu rồi viết lại.

ở / Sa Pa / du lịch / bạn Lan / cả nhà / đi

Bài 5: Viết câu phù hợp với tranh.



Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 34

Em đọc bài và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Bàn tay của mẹ

Thuở nhỏ, cô bé thường nắm bàn tay mềm mại của mẹ để ngủ. Lớn lên, cô thấy tay mẹ chai sạn vì giặt giũ, nấu nướng, làm vườn. Khi trưởng thành, đôi tay ấy nhăn nheo, gầy guộc.

Một hôm, cô nắm lấy tay mẹ và nhận ra: mỗi vết chai là một bữa cơm, mỗi vết sẹo là một lần bảo vệ con, mỗi nếp nhăn là tháng ngày vất vả. Đôi bàn tay ấy là cuốn nhật ký của một đời hy sinh.

(Sưu tầm)



Câu 1: Đoạn văn có mấy câu?

A. 5 câu B. 6 câu C. 7 câu

Câu 2: Thuở nhỏ, cô bé nắm bàn tay của mẹ để làm gì?

A. để tập viết B. để ngủ C. để không sợ hãi

Câu 3: Vì sao tay mẹ chai sạn?

A. Vì mẹ bận làm vườn trồng cây. B. Vì giặt giũ, chăm bẵm cho con.

C. Vì giặt giũ, nấu nướng, làm vườn.

Câu 4: Đánh dấu (x) vào ô trống trước câu trả lời đúng:

Cô bé nhận ra điều gì khi nắm bàn tay mẹ?

- ☐ Mỗi vết chai ở tay mẹ là một bữa cơm.
- ☐ Mỗi vết sẹo là những lần mẹ té ngã.
- ☐ Mỗi nếp nhăn là những ngày vất vả.
- ☐ Mỗi vết sẹo là một lần bảo vệ con.
- ☐ Mỗi khi nắm tay mẹ cô bé sẽ ngủ ngon.
- ☐ Mẹ đã một đời hy sinh vì con cái.



Câu 5: Viết 1 câu với mỗi từ sau:

hy sinh:

giặt giũ:

Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 34

BÀI TẬP:

Bài 1: Gạch dưới từ viết sai và sửa lại.

- Cá không ăn muối cá ương

Con cãi tra mẹ trăm đường con hư.

- Nhiễu điều phủ lấy dá giương

Người chong một nước phải thương nhau cùng.

- Ăn trông nồi, nghồi trông hướng.

Bài 2: Nối.

Dọc bờ biển nước ta	bãi biển đông nghịt người.
Ở đồi núi nước ta có	có nhiều khu du lịch nổi tiếng.
Trời nóng	rất nhiều ruộng bậc thang.

Bài 3: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ chấm.

chữ thầy | ước ao | lớn khôn | bé | thông minh

Ngày nào em ..... cỏn con

Bây giờ em đã ..... thế này.

Cơm cha, áo mẹ, ...

Nghĩ sao cho bõ những ngày .....

Bài 4: Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu rồi viết lại.

công viên / đi / tàu lượn / ở / cuối tuần, / cho / em / bố mẹ / chơi

Bài 5: Viết 1 câu với từ sau:

bức tranh:

Bài 6: Viết câu phù hợp với tranh.



Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 35

Em đọc bài và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Cây xoài của ông em

Ông em trồng cây xoài cát này trước sân khi em còn đi lẫm chẫm. Cuối đông, hoa nở trắng cành. Đầu hè, quả sai lúc lỉu. Trông những chùm quả to, đu đưa theo gió, em càng nhớ ông. Mùa xoài nào, mẹ cũng chọn những quả xoài chín vàng và to nhất bày lên bàn thờ ông.

Xoài thanh ca, xoài tượng,...đều ngon. Nhưng em thích xoài cát nhất. Mùi xoài thơm dịu dàng, vị ngọt đậm đà, màu sắc đẹp, quả lại to.

Ăn quả xoài cát chín trảy từ cây của ông em trồng, kèm với xôi nếp hương, thì đối với em không thứ quà gì ngon bằng.

(Theo Đoàn Giỏi)

Câu 1: Đoạn văn có mấy câu?

A. 8 câu B. 9 câu C. 10 câu

Câu 2: Cây xoài do ai trồng?

A. ông B. bà C. mẹ

Câu 3: Cây xoài nở hoa vào mùa nào?

A. mùa đông B. mùa hè C. mùa xuân

Câu 4: Cây xoài ra quả vào mùa nào?

A. mùa đông B. mùa hè C. mùa xuân

Câu 5: Khi trông những chùm quả xoài bạn nhỏ trong bài nhớ đến ai?

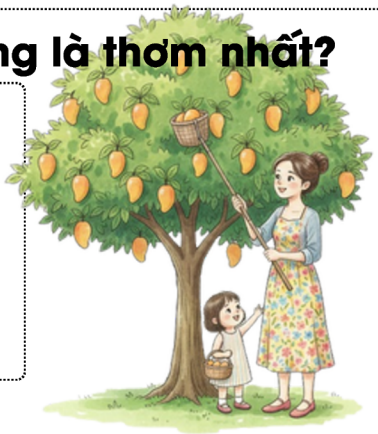
A. bạn bè B. ông C. ba mẹ

Câu 6: Vì sao bạn nhỏ thấy xoài cát từ cây ông trồng là thơm nhất?

A. Vì xoài thanh ca, xoài tượng đều không ngon bằng.

B. Vì hương vị xoài cát đặc biệt và cây xoài gắn với kỷ niệm về ông của bạn nhỏ.

C. Vì xoài cát có màu sắc đẹp, quả lại to.



Câu 7: Viết 1 câu với mỗi từ sau:

ông bà:

thơm ngon:

Bài tập môn Tiếng Việt - Tuần 35

BÀI TẬP:

Bài 1: Điền vào chỗ chấm:

- **l** hay **n**: Cái .....ón .....ày dùng .....úc trời .....ắng.
- **ch** hay **tr**: .....ưa đến .....ưa mà .....ời đã nắng .....ang .....ang.
- **ng** hay **ngh**: Con .....é con .....iêng đôi mắt .....ây .....ô nhìn mẹ.
- **g** hay **gh**: Bé ngồi .....i bài trên chiếc bàn .....ế .....ỗ xoan đào.
- **s** hay **x**: Chú chim được .....inh ra trong chiếc tổ .....inh xắn.
- **v** hay **d**: Nhìn khu .....ườn ...ắng....ẻ, ông nhớ thương bà .....a....iết.
- **c** hay **k**: Bạn .....im .....ể lại chuyện .....ác bạn đi .....âu .....á.

Bài 2: Nối.

Trẻ em	là loài chim của biển cả.
Bác lao công	là tương lai của đất nước.
Hải âu	cặm cụi quét dọn các phòng học.
Lũy tre xanh	rì rào trong gió.

Bài 3: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ chấm.

rau bí | xanh mướt | ngôi sao | tấm thảm

Nhà bà ngoại ở ngoại thành, có mảnh vườn nhỏ ....., đủ các loại rau, mùa nào rau ấy. Mùa hè có ....., rau lang,... Mùa đông có cải thìa, cải bắp, su hào,... quanh năm, vườn rau như ..... xanh mát mắt.

Bài 4: Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu rồi viết lại.

hoa mai / mùa xuân, / ở / nở vàng rực / sân nhà em

Bài 5: Quan sát và ghi một câu thích hợp với hình.



ĐỀ ÔN CUỐI NĂM - ĐỀ 1

I. Đọc thành tiếng:

Chiếc áo len của mẹ

Mùa đông năm ấy lạnh hơn mọi năm. Nhà nghèo, không đủ tiền mua áo ấm, mẹ âm thầm tháo chiếc áo len cũ của mình ra, giặt sạch sợi len, rồi ngồi đan lại thành chiếc áo nhỏ cho con.

Đêm, khi con ngủ say, mẹ ngồi bên bếp lửa, đôi tay đỏ ửng vì lạnh vẫn miệt mài móc từng mũi kim. Sáng hôm sau, con được khoác chiếc áo mới, mừng rỡ reo lên: "Mẹ mua áo cho con à?" Mẹ chỉ cười: "Bạn của mẹ cho đấy."

Nhiều năm sau, khi vô tình thấy chiếc áo len đã sờn, con mới biết sự thật. Lúc ấy, con mới hiểu, tình mẹ ấm áp hơn bất kỳ chiếc áo nào trên đời.

(Sưu tầm)

II. ĐỌC - HIỂU:

Dựa vào bài đọc khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Mùa được nhắc đến trong bài là mùa nào?

A. mùa đông B. mùa hạ C. mùa thu

Câu 2: Khi không đủ tiền mua áo ấm, mẹ âm thầm làm gì?

A. Mẹ tích góp tiền từng ngày để mua cho con.

B. Mẹ chạy vay mượn tiền mua chiếc áo ấm cho con.

C. Tháo chiếc áo len cũ để đan lại thành chiếc áo nhỏ cho con.

Câu 3: Tay mẹ bị sao khi đan áo len cho con?

A. Đôi tay gầy gò đi hẳn vì tốn nhiều công sức đan áo.

B. Đôi tay đỏ ửng vì lạnh nhưng vẫn miệt mài móc từng mũi kim.

C. Các ngón tay trở nên đau nhiều khi bị kim đâm trúng.

Câu 4: Bạn nhỏ cảm thấy thế nào khi nhận được chiếc áo len mới?

A. chán nản B. háo hức C. mừng rỡ

Câu 5: Nhiều năm sau, bạn nhỏ mới hiểu điều gì về mẹ?

A. tình mẹ ấm áp B. tình mẹ nhỏ xíu C. tình mẹ cao cả

ĐỀ ÔN CUỐI NĂM - ĐỀ 1

III. BÀI TẬP:

Bài 1: Chọn s / x điền vào chỗ chấm:

lá .....en	.....âu kim	.....e máy	.....ở thích

Chọn ng / ngh điền vào chỗ chấm:

suy .....ĩ	.....ĩa mẹ	bắp .....ô	.....ón tay

Bài 2: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ chấm.

đỏ thắm | sương đêm | thơm ngát | ngập ngừng

Giữa vườn lá um tùm xanh mướt còn ướt đẫm ....., một bông hoa dập dờn trước gió. Màu hoa ..... Cánh hoa mịn màng khum khum úp sát vào nhau như còn ..... chưa nở hết. Đóa hoa tỏa hương ..... Bé khẽ reo lên: "Ôi! Bông hồng đẹp quá!"

Bài 3: Nối để tạo thành câu.

Đàn gà	nhả tơ.
Mùa hè, ve kêu	tha thẩn gần chân mẹ.
Con tằm	râm ran.
Bé Nhi	chăm chú nhìn mẹ.

Bài 4: Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu rồi viết lại.

dọn dẹp / bố mẹ / giúp / nhà cửa / em

Bài 5: Viết câu phù hợp với tranh.



ĐỀ ÔN CUỐI NĂM - ĐỀ 2

I. Đọc thành tiếng:

Mẹ

Lặng rồi cả tiếng con ve
Con ve cũng mệt vì hè nắng oi.
Nhà em vẫn tiếng ạ ời
Kẽo cà tiếng võng mẹ ngồi mẹ ru.
Lời ru có gió mùa thu
Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về.
Những ngôi sao thức ngoài kia
Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.
Đêm nay con ngủ giấc tròn
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.

(Theo Trần Quốc Minh)



II. ĐỌC - HIỂU:

Dựa vào bài đọc khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Ai được nhắc đến trong bài thơ trên?

A. bà nội B. ba C. mẹ

Câu 2: Trong bài thơ có những âm thanh nào được nhắc đến?

A. tiếng ve kêu B. tiếng ru của mẹ

C. tiếng ve kêu, tiếng võng, tiếng ru của mẹ

Câu 3: Khi bạn nhỏ ngủ, mẹ đã làm gì cho bạn ngủ ngon?

A. Mẹ quạt cho bạn nhỏ. B. Mẹ đưa võng và hát ru.

C. Cả A và B đều đúng.

Câu 4: Vì sao mẹ thức cho bạn nhỏ ngủ?

A. Vì mong con ngủ giấc tròn. B. Vì mẹ thích nhìn con ngủ.

C. Vì mẹ sợ con bị lạnh.

Câu 5: Viết 1 câu thể hiện tình yêu thương em dành cho mẹ của em.

ĐỀ ÔN CUỐI NĂM - ĐỀ 2

III. BÀI TẬP:

Bài 1: Điền uôn hoặc ươn và thêm dấu thanh thích hợp:

chuồn ch..... bánh c..... v..... vai con v.....

Điền c hoặc k vào chỗ chấm:

Một .....on .....iến nhỏ tí ti
Hai .....on .....iến bé nó đi tìm mồi
Mồi to, ...iến ít chịu thôi
Gọi thêm nhiều .....iến, khiêng mồi về ngay.

Bài 2: Nối để tạo thành câu.

Em đọc sách	mẹ vẫn ngồi đan áo cho em.
Đêm đã khuya,	để biết thêm nhiều điều hay.
Sao đêm	là cửa sổ tâm hồn.
Đôi mắt	lấp lánh trên bầu trời.

Bài 3: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ chấm.

..... đẹp một cách giản dị. Mỗi cánh hoa giống hệt một chiếc lá, chỉ có điều mỏng mảnh hơn và màu sắc ..... Lớp lớp hoa giấy rải kín mặt sân, nhưng chỉ cần một ..... thoảng, chúng tản mát bay đi mất...

làn gió | hoa giấy | rực rỡ

Bài 4: Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu rồi viết lại.

em / đến / trường/ thích / rất / để học

Bài 5: Viết câu phù hợp với tranh.



ĐỀ ÔN CUỐI NĂM - ĐỀ 3

I. Đọc thành tiếng:

Hoa giấy

Trời càng nắng gắt, hoa giấy càng bồng lên rực rỡ. Màu đỏ thắm, màu tím nhạt, màu da cam, màu trắng muốt. Cả vòm cây lá chen hoa bao trùm lấy ngôi nhà lẫn mảnh sân nhỏ phía trước. Tất cả như nhẹ bỗng, tưởng chừng chỉ cần một trận gió ào qua, cây hoa giấy sẽ bốc bay lên, mang theo cả ngôi nhà lang thang giữa bầu trời.

Hoa giấy đẹp một cách giản dị. Mỗi cánh hoa giống hệt một chiếc lá, chỉ có điều mỏng mảnh hơn và màu sắc rực rỡ . Lớp lớp hoa giấy rải kín mặt sân, nhưng chỉ cần một làn gió thoảng, chúng tản mát bay đi mất…

(Sưu tầm)

II. ĐỌC - HIỂU:

Dựa vào bài đọc khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Trong đoạn văn được nhắc đến cây hoa nào?

A. hoa mai B. hoa giấy C. hoa đào

Câu 2: Hoa giấy có những màu sắc nào?

A. màu đỏ thắm, màu tím nhạt B. màu da cam, màu trắng muốt

C. Cả A và B đều đúng.

Câu 3: Khi có một làn gió thoảng hoa giấy rơi trên sân sẽ như thế nào?

A. Hoa giấy sẽ dập nát. B. Chúng tản mát bay đi mất.

C. Hoa giấy sẽ đổi màu.

Câu 4: Hoa giấy được tả đẹp như thế nào?

A. Đẹp một cách giản dị, mỏng mảnh và màu sắc rực rỡ.

B. Đẹp một cách sắc sảo, cánh hoa dày và nhiều màu.

C. Hoa giấy có nhiều màu sắc, toả hương thơm ngát.

Câu 5: Em hãy viết một câu giới thiệu về loài hoa em thích nhất.

ĐỀ ÔN CUỐI NĂM - ĐỀ 3

III. BÀI TẬP:

Bài 1: Chọn từ viết đúng trong ngoặc đơn điền vào chỗ chấm.

Mùa ..... **(nắng / lắng)**, đất nẻ chân chim, ... **(nền nhà / lền nhà)** cũng ..... **(dạn nứt / rạn nứt)**. Trên cái đất phập phều và lắm ..... **(dó / gió)**, lắm dông như thế, cây đứng lẻ loi khó mà ..... **(chống trọi / chống chọi)** nổi.

Bài 2: Nối để tạo thành câu.

Con trâu	các bạn thường lên đê thả diều.
Cô Trà	chăm chỉ cày ruộng.
Giàn mướp	có làn da trắng mịn.
Hè đến	ra hoa rất đẹp.

Bài 3: Điền chữ khoác, khuyên, buýt, nguyệt vào chỗ chấm.

- Đàn .....
- Chim vành .....
- Xe .....
- Áo .....

Bài 4: Viết 1 câu với các từ sau:

hạnh phúc:

mừng rỡ:

Bài 5: Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu rồi viết lại.

vui / các / con / rất / mẹ / chim / vì / ngoan / chăm

Bài 6: Viết câu phù hợp với tranh.



ĐỀ ÔN CUỐI NĂM - ĐỀ 4

I. Đọc thành tiếng:

Nhà gấu ở trong rừng

Cả nhà gấu ở trong rừng. Mùa xuân, cả nhà gấu kéo nhau đi bẻ măng và uống mật ong. Mùa thu, gấu đi nhặt quả hạt dẻ. Gấu bố, gấu mẹ, gấu con cùng béo rung rinh, bước đi lặc lè, lặc lè. Béo đến nỗi khi mùa đông tới, suốt ba tháng liền, cả nhà gấu đứng tránh gió trong gốc cây, không cần đi kiếm ăn, chỉ mút hai bàn chân mỡ cũng đủ no. Sang xuân ấm áp, cả nhà gấu đi bẻ măng, tìm uống mật ong và đến mùa thu lại nhặt quả hạt dẻ. Gấu bố, gấu mẹ, gấu con lại béo rung rinh.

(Sưu tầm)

II. ĐỌC - HIỂU, VIẾT:

A. Đọc - hiểu: Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Đoạn văn trên có mấy câu?

A. 6 câu B. 7 câu C. 8 câu

Câu 2: Có mấy mùa được nhắc đến trong đoạn văn?

A. bốn mùa B. ba mùa C. hai mùa

Câu 3: Nối.

Mùa thu	cả nhà gấu kéo nhau đi bẻ măng và uống mật ong.
Mùa xuân	cả nhà gấu đứng tránh gió trong gốc cây.
Mùa đông	cả nhà gấu đi nhặt quả hạt dẻ.



Câu 4: Mùa đông, cả nhà gấu làm gì để no bụng?

A. Đi mẻ măng, tìm uống mật ong.

B. Chỉ mút hai bàn chân mỡ.

C. Đứng tránh gió trong gốc cây.



Câu 5: Em hãy viết một câu giới thiệu con vật em thích nhất.

ĐỀ ÔN CUỐI NĂM - ĐỀ 4

BÀI TẬP:

Bài 1: Điền vần ưc / ưt và thêm dấu thanh thích hợp vào chỗ chấm.

Nhóm thanh niên l..... lưỡng ra s..... chèo thuyền b..... lên phía trước.

Bài 2: Viết từ ngữ thích hợp với mỗi hình sau.






Bài 3: Nối để tạo thành câu.

Ông mặt trời	tỏa nắng chói chang
Chiều chiều các bạn	mặc chiếc áo màu đỏ.
Bạn Lan	hay lên đê thả diều.

Bài 4: Điền các từ tôm rim, thôn xóm, sớm, ngắm vào chỗ chấm cho phù hợp.

a. Đêm rằm, hai bà cháu ngồi ..... trăng

b. Bữa cơm ở quê có đậu xào và có .....

c. Mẹ gọi em dậy ..... để học bài.

Bài 5: Viết 1 câu với từ sau:

đoàn kết:

Bài 6: Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu rồi viết lại.

những / cành trên, / chi chít / cành dưới / lộc non

Bài 7: Viết câu phù hợp với tranh.



Ngọc Bích
Danh thiếp Zalo

CÔ BÍCH
0932 . 644 . 643

Tài liệu này do cô Ngọc Bích soạn thảo

XIN LIÊN HỆ TRỰC TIẾP QUA

ZALO: 0932 644 643 – Ngọc Bích để mua file từ chính chủ

